

Số: 2840/TB-BVT

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

**Về việc mời cung cấp báo giá để xây dựng
kế hoạch mua sắm Stent và vật tư y tế sử dụng trong can thiệp mạch vành của
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh**

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch mua sắm Stent và vật tư y tế sử dụng trong can thiệp mạch vành, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh) trân trọng kính mời các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế có đủ năng lực, kinh nghiệm và quan tâm tham gia báo giá các hàng hóa, dịch vụ với các nội dung chi tiết như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh).

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Đào Thị Thuý – Trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. SĐT: 0981519799;

Hoặc Ông Nguyễn Anh Tuấn - Nhân viên khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. SĐT: 0936821266;

Email: kiemsoatnhiemkhuambvt@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

+ Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh).

- Bản mềm: Báo giá (Excel), Catalog, các tài liệu liên quan... (PDF)

+ Nhận qua email: kiemsoatnhiemkhuambvt@gmail.com.

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 07 giờ 30 phút ngày 12 tháng 8 năm 2026 đến trước 16 giờ 30 phút ngày 24 tháng 8 năm 2026.

Lưu ý: Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn của hiệu lực báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ: Chi tiết về tên hàng hóa, thông số kỹ thuật cơ bản, số lượng, đơn vị tính được mô tả tại Phụ lục 01 đính kèm Thông báo này.

2. Bảng cung cấp thông tin hàng hóa và chào giá (*Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm*).

3. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Địa điểm cung cấp tại Kho vật tư y tế Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn – Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 12 tháng.

Do nhu cầu cấp thiết về mua sắm Stent và vật tư y tế sử dụng trong can thiệp mạch vành của Bệnh viện, kính đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế nhanh chóng cung cấp thông tin để bên Bệnh viện tiến hành các thủ tục tiếp theo.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh trân trọng thông báo./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TT&HCQT (đăng tải lên CTTĐT);
- Lưu: VT, KSNK.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bá Việt

Phụ lục I
DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Kèm theo Thông báo mời báo giá số 2840/TB - BVT ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng/ số lượng
1	Stent động mạch vành phủ thuốc các loại, các cỡ (bằng kim loại phủ thuốc sirolimus hoặc everolimus có polymer đường kính < 4.5mm)	- Chất liệu kim loại. - Phủ thuốc sirolimus hoặc Everolimus có polymer. - Kích cỡ stent: + Đường kính: Từ 2,25mm đến 4.0mm, (tối thiểu 5 cỡ). + Chiều dài: ≥ 8 mm. - Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	Cái	190
2	Stent động mạch vành phủ thuốc các loại, các cỡ (bằng kim loại phủ thuốc sirolimus hoặc everolimus có polymer đường kính 4.5mm)	- Chất liệu kim loại. - Phủ thuốc sirolimus hoặc Everolimus có polymer. - Kích cỡ stent: + Đường kính: 4.5mm. + Chiều dài: ≥ 8 mm; - Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	Cái	25
3	Stent động mạch vành phủ thuốc các loại, các cỡ (bằng kim loại phủ thuốc sirolimus hoặc everolimus không có polymer)	- Chất liệu kim loại. - Phủ thuốc Sirolimus hoặc Everolimus không có polymer. - Kích cỡ stent: + Đường kính từ 2.5mm đến 4.0mm, (tối thiểu 5 cỡ). + Chiều dài ≥ 8mm. - Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	Cái	190
4	Stent động mạch vành phủ thuốc các loại, các cỡ (bằng kim loại phủ thuốc Zotarolimus hoặc Biolimus hoặc Novolimus có polymer đường kính < 4.5mm)	- Chất liệu kim loại. - Phủ thuốc Zotarolimus hoặc Biolimus hoặc Novolimus, có polymer. - Kích cỡ stent: + Đường kính: Từ 2.25mm đến 4.0mm, (tối thiểu 5 cỡ). + Chiều dài ≥ 8 mm. - Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	Cái	190
5	Stent động mạch vành phủ thuốc các loại, các cỡ (bằng kim loại phủ thuốc Zotarolimus hoặc Biolimus hoặc Novolimus có polymer đường kính 4.5mm)	- Chất liệu kim loại. - Phủ thuốc Zotarolimus hoặc Biolimus hoặc novolimus, có polymer. - Kích cỡ stent: + Đường kính: 4.5mm. + Chiều dài ≥ 8 mm. - Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	Cái	5

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng/ số lượng
6	Stent động mạch vành phủ thuốc các loại, các cỡ (bằng kim loại phủ thuốc Zotarolimus hoặc Biolimus hoặc Novolimus không có polymer)	- Chất liệu kim loại. - Phủ thuốc Zotarolimus hoặc Biolimus hoặc Novolimus, không có polymer - Kích cỡ stent: + Đường kính: từ 2,25mm đến 4,5mm (tối thiểu 6 cỡ). + Chiều dài: ≥ 8 mm (tối thiểu 6 cỡ, trong đó có cỡ 36mm). - Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	Cái	150
7	Stent động mạch vành phủ thuốc các loại, các cỡ (loại thành mỏng)	- Chất liệu kim loại. - Phủ thuốc Sirolimus. - Kích cỡ stent: + Đường kính: từ 2,25mm đến 4.0 mm (tối thiểu 6 cỡ). - Độ dày khung sten $\leq 65 \mu\text{m}$. - Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	Cái	150
8	Khung giả đỡ (stent có màng bọc, cover stent) các loại, các cỡ (dùng cho can thiệp mạch vành)	- Chất liệu hợp kim. - Kích cỡ: + Đường kính: Từ 2.5mm đến 5.0mm, (tối thiểu 6 cỡ). + Chiều dài: $\geq 12\text{mm}$. - Phủ một lớp màng bọc ePTFE hoặc chất liệu electrospun polyurethane. - Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	Cái	10
9	Bóng nong (balloon) mạch vành áp lực thường loại đường kính < 1mm	- Bóng nong có điểm cân quang. + Đường kính: <1.0mm . + Chiều dài: $\geq 4\text{mm}$. - Chiều dài hệ thống của Catheter ≥ 140 cm. - Tương thích với Guide wire 0.014". - Tương thích với Guiding Catheter $\geq 5\text{F}$.	Cái	120
10	Bóng nong (balloon) mạch vành áp lực cao	- Số điểm cân quang định vị bóng: 2. - Áp lực định mức: $\geq 12\text{atm}$ (bar). Áp lực tối đa: $\geq 20\text{atm}$ (bar). - Chiều dài catheter (Độ dài trực): ≥ 140 cm. - Lớp phủ ái nước Hydrophilic. - Kích thước bóng: + Đường kính: từ 2.0mm đến 5mm, (tối thiểu 6 cỡ). + Chiều dài: Từ 5mm đến 30mm, (tối thiểu 3 cỡ). - Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	Cái	1.300

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng/ số lượng
11	Bộ bơm bóng áp lực cao	- Bộ bơm bóng áp lực cao bao gồm: + Bơm có đồng hồ đo áp suất kèm dây chịu áp lực. + Phụ kiện: Bộ kết nối chữ Y có van cầm máu có dây nối; Kim luồn dây dẫn (insertion tool); Dụng cụ xoay dây dẫn (torque). - Dung tích bơm: $\geq 20\text{ml}$. - Áp lực bơm: $\geq 30\text{atm}$. - Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	Bộ	800
12	Bóng nong mạch vành có khía kim loại hoặc gắn lưỡi dao (Cutting Balloon)	- Bóng nong mạch vành có gắn lưỡi dao nhỏ. - Trục được phủ Hydrophilic. - Các lưỡi dao gắn dọc trên bề mặt ngoài của sản phẩm. - Đường kính: 2.0mm - 4.0mm, (tối thiểu có cỡ 2.0mm; 2.5mm). - Chiều dài $\geq 6\text{mm}$.	Cái	50
13	Dụng cụ mở đường vào động mạch quay, có lớp phủ ái nước trên dây dẫn hoặc sheath	- Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay, có lớp phủ ái nước trên dây dẫn hoặc sheath bao gồm: + Vô sheath (Introducer Sheath). + Que nong. + Van cầm máu (van an toàn). + Kim chọc mạch $\geq 20\text{G}$. + Dây dẫn làm bằng thép không gỉ hoặc hợp kim hoặc plastic. - Các cỡ $\geq 5\text{F}$ (tối thiểu 2 cỡ), dài $\geq 10\text{cm}$. - Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	Bộ	1.100
14	Dây dẫn đường (guide wire) cho Catheter ái nước loại chiều dài $\geq 260\text{cm}$	- Cấu tạo: + Lõi là hợp kim hoặc thép không gỉ hoặc Nitinol. + Lớp phủ ái nước. - Kích thước: + Chiều dài dây dẫn: $\geq 260\text{cm}$. + Chiều dài của phần đầu linh hoạt: $\geq 3\text{cm}$. + Đường kính: $\geq 0.035"$. - Hình dạng đầu tip: đầu thẳng và đầu cong hoặc đầu thẳng và chữ J. - Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	Cái	250
15	Ống thông (catheter) chụp động mạch vành 2 bên chiều dài $< 120\text{cm}$.	- Tương thích guidewire $\geq 0.035"$. - Đường kính $\geq 4\text{Fr}$, chiều dài $< 120\text{cm}$. - Tối thiểu có dạng đầu tip 2 bên Tiger (TIG). - Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	Cái	900
16	Ống thông (catheter) chụp động mạch vành 2 bên chiều dài $\geq 120\text{cm}$.	- Tương thích guidewire $\geq 0.035"$. - Đường kính $\geq 4\text{Fr}$, chiều dài $\geq 120\text{cm}$. - Tối thiểu có dạng đầu tip 2 bên Tiger (TIG). - Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	Cái	100

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng/ số lượng
17	Bộ phận kết nối	- Bộ kết nối (manifold): + Chịu áp lực cao ≥ 500psi. + Có ≥ 2 cổng. - Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	Cái	1.600
18	Dây dẫn đường (guide wire) cho bóng và khung giá đỡ trong can thiệp động mạch vành dài > 180cm.	- Chất liệu: Titan hoặc Platinum hoặc thép không gỉ. - Lớp phủ ngoài ái nước. - Kích thước: Đường kính 0.014", dài > 180cm. - Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	Cái	150
19	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch máu các loại, các cỡ (hút huyết khối động mạch vành)	Bộ dụng cụ hút huyết khối động mạch vành bao gồm: catheter bơm, hút có lớp phủ ái nước. Tương thích với guidewire 0.014".	Bộ	40
20	Kim chọc mạch đùi	- Kích thước: 18G. - Chất liệu: thép không gỉ. - Nòng trong đi được Guidewire $\geq 0,035$". - Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	Cái	480
21	Băng ép động mạch quay	Dùng để cầm máu chọn lọc động mạch quay sau thủ thuật can thiệp. Cố định chắc chắn. Có thể điều chỉnh áp suất. Có thể quan sát được tình trạng chảy máu vị trí chọc mạch. Chiều dài: ≥ 18 cm, có tối thiểu 2 cỡ hoặc có thể điều chỉnh (khóa cài, khóa dán)	Cái	1.200

Phụ lục II
BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ CHÀO GIÁ
(Kèm theo Thông báo mời báo giá số 2840/TB - BVT ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh)

Tên nhà thầu: Công ty
Địa chỉ liên hệ:.....
Điện thoại DD.....
Email:

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá theo thông báo số 2840/TB - BVT ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các trang thiết bị y tế và dịch vụ liên quan như sau:

STT (1)	STT Thông báo mời BG (2)	Tên hàng hoá (3)	Tên thương mại, ký, mã, nhãn hiệu, model (4)	Mã VTYT (Theo QĐ 5086/QĐ- BYT ngày 04/11/2021 hoặc theo TT 04 04/2017/TT-BYT ngày 14/04/2017) (5)	Thông số kỹ thuật (6)	Số đăng ký lưu hành (7)	Đạt tiêu chuẩn (8)	Mã HS (9)	Phân loại TTBYT (A,B,C,D) (10)	Năm sx (11)	Hãng/ nước chủ sử hữu (12)	Hãng/Nước sản xuất (13)	Xuất xứ (14)	Quy cách đóng gói (15)	Đơn vị tính (16)	Số lượng (17)	Đơn giá (VNĐ) (18)	Thành tiền (VNĐ) (19)	Kết quả trúng thầu 12 tháng gần nhất (Giá trúng thầu/Số QĐ/ ngày tháng năm/ đơn vị ra QĐ) (20)
1																			
2																			
Ghi chú: Đơn vị phải cung cấp đầy đủ thông tin vào các cột chưa điền thông tin. Đơn vị cung cấp kèm theo bản scan hợp đồng đã trúng thầu và/hoặc hóa đơn bán hàng trong vòng 12 tháng gần nhất kèm theo (nếu có). Đơn vị gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa, dịch vụ. Đối với máy móc, trang thiết bị có bảng kê khai thông số kỹ thuật mời báo giá và thông số kỹ thuật đáp ứng của đơn vị. (4) ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Tên hàng hoá”. (6) ghi cụ thể thông số kỹ thuật của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Tên hàng hoá”. (18) là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (Bao gồm thuế, phí, lệ phí, dụng cụ phụ trợ đi kèm đảm bảo thực hiện được kỹ thuật và dịch vụ liên quan (nếu có).																			

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày 24 tháng 8 năm 2026 [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày].
3. Chúng tôi cam kết:
- Đáp ứng tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 5 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15.
 - Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
 - Những thông tin nêu trong báo Giá là trung thực.

..., Ngày... tháng ... năm ...
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(ký tên, đóng dấu)